

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **96/2019/DSST**

Ngày: 26/6/2019

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay
tài sản”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Trần Văn Dũng.**

- Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Đỗ Công Minh

2/ Ông Dương Thanh Vân

- Thư ký ghi biên bản phiên Tòa: **Bà Huỳnh Thị Ngọc Hạnh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Ngọc Tuyền- Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 154/2018/ TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2018 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐXXST- DS ngày 21 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 19xx, có mặt;

Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: **Phạm Thị L**, sinh năm 19xx, vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp L, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Tạ Minh T**, sinh năm 19xx, vắng mặt;

Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 10 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Ngày 30/6/2018 chị T và anh T có cho chị Phạm Thị L vay số tiền 15.000.000 đồng, thỏa thuận lãi 3%, trả góp vốn và lãi

trong 31 ngày, mỗi ngày trả 500.000 đồng, có Hợp đồng vay tiền. Chị L trả tiền được 05 ngày tổng cộng 2.500.000 đồng. Đến ngày 05/7/2018 chị L không trả tiền nữa. Chị T có đến đòi tiền nhưng không gặp chị L. Yêu cầu chị L trả chị T và anh T số tiền vốn còn lại là 12.500.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu lãi.

Trong quá trình tố tụng chị chị Phạm Thị L vắng mặt, không có lời trình bày.

Trong bản tự khai anh Tạ Minh T trình bày nội dung như chị T trình bày trên. Anh T thống nhất yêu cầu như chị T, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thanh T. Buộc chị Phạm Thị L trả chị T và anh T số tiền vay 12.500.000 đồng, thời gian trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Chị T không yêu cầu lãi nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, việc nộp đơn khởi kiện, thụ lý đơn và thẩm quyền giải quyết của Tòa án đúng quy định; Việc thu thập tài liệu chứng cứ; Thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt là tự từ bỏ lời trình bày của đương sự tại tòa. Việc vắng mặt của chị Phạm Thị L không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn. Anh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[2] Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thanh T.

Chứng cứ chị T cung cấp là bản chính Hợp đồng vay tiền ngày 30/6/2018 giữa chị Nguyễn Thị Thanh T, anh Tạ Minh T và chị Phạm Thị L thể hiện nội dung vay tiền như chị T trình bày trên, thời hạn thanh toán là không quá 02 tháng. Như vậy,

Hợp đồng vay tiền ngày 30/6/2018 đã thể hiện nội dung thỏa thuận xác lập quan hệ vay tài sản giữa các bên theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị L, nhưng chị L không đến Tòa án trình bày ý kiến của bị đơn. Chị L không có ý kiến phản đối gì, cũng không đưa ra chứng cứ trả tiền. Chứng tỏ chị L thừa nhận số tiền còn nợ là 12.500.000 đồng như chị T yêu cầu. Nên căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử kết luận chị L còn nợ chị T và anh T số tiền vay 12.500.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền ngày 30/6/2018. Chị L không đưa ra chứng cứ chứng minh việc trả tiền, nên phải có nghĩa vụ trả số tiền trên là phù hợp Điều 466 Bộ luật dân sự.

Chị T không yêu cầu tính lãi, chị L không có ý kiến về tiền lãi nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét về lãi theo quy định của pháp luật. Xét thời gian trả tiền như chị T yêu cầu là phù hợp nên được chấp nhận.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát có căn cứ nên được chấp nhận.

Về án phí: Yêu cầu của chị T được chấp nhận toàn bộ nên chị L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 357 Bộ luật dân sự, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh T.

Buộc chị Phạm Thị L có nghĩa vụ trả chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Tạ Minh T số tiền 12.500.000 (Mười hai triệu năm trăm ngàn) đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Tạ Minh T cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng chị Phạm Thị L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 625.000 đồng. Chị Nguyễn Thị Thanh T không phải chịu án phí sơ thẩm, được nhận lại số tiền 350.000 đồng theo biên lai thu số 45954 ngày 27/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện GCD
- Chi cục THA DS huyện GCD
- Các đương sự
- Lưu: HS, AV

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Dũng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Công Minh

Dương Thanh Vân

Trần Văn Dũng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Tâm

Nguyễn Tấn Đạt

Trần Văn Dũng

